

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST
Ngày 05 - 01 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sol**

Ông **Trần Quốc Trí**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị L** – sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn R** – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh R tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2013, ngày 16/8/2013. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh R hay bỏ nhà ra đi mà không lo làm ăn. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh R.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Bích Ng1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 và Nguyễn Như Ng2, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2020,

hiện nay do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích Ng1 và cháu Như Ng2, chị không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Huỳnh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn R đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn R. Khi khởi kiện anh R cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh R theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị L và anh R tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2013, ngày 16/8/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh R, chị L yêu cầu được ly hôn với anh R. Anh R đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị L và anh R mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh R là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị L và anh R có hai con chung là Nguyễn Bích Ng1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 và Nguyễn Như Ng2, sinh ngày 28 tháng

12 năm 2020. Hiện nay, các con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích Ng1 và cháu Như Ng2. Hội đồng xét xử xét thấy, anh R không có ý kiến gì về yêu cầu của chị L và hiện tại cháu Bích Ng1 và cháu Như Ng2 đang được chị L nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Bích Ng1 có nguyện vọng sống với chị L. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu Như Ng2 và cháu Như Ng2 cũng còn rất nhỏ nên cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L được nuôi con chung là cháu Bích Ng1 phù hợp với nguyện vọng của cháu và cháu Như Ng2 là chính đáng nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Bích Ng1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 và Nguyễn Như Ng2, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2020 cho chị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Linh không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Linh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Linh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Linh phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị L đối với anh Nguyễn Văn R. Xử cho chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích Ng1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 và Nguyễn Như Ng2, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2020 cho chị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Linh không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Huỳnh Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012515 ngày 18 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm